

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN KIM CƯƠNG**

Chứng thực bản sao  
đúng với bản chính.

Số chứng thực.....19732.....  
Ngày.....03/8/2017.....



Phó Chủ tịch UBND P. Nguyễn Cư Trinh

*Nguyễn Đình Nam*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29/10/2016

*(Handwritten mark)*

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG</b> .....	2
Điều 1. Định nghĩa.....	2
Điều 2. Tên và Trụ sở của Công ty.....	4
Điều 3. Phạm vi kinh doanh của Công ty .....	4
Điều 4. Thời hạn hoạt động và Tư cách pháp nhân.....	5
Điều 5. Người đại diện theo pháp luật.....	5
Điều 6. Con dấu .....	6
<b>CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN SỞ HỮU CỔ PHẦN</b> .....	6
Điều 7. Vốn Điều lệ .....	6
Điều 8. Cổ phần .....	7
Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông.....	7
Điều 10. Mua lại cổ phần .....	9
Điều 11. Phát hành thêm cổ phần và trái phiếu.....	11
Điều 12. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.....	12
Điều 13. Sổ đăng ký cổ đông .....	12
<b>CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....	13
Điều 14. Cơ cấu tổ chức.....	13
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Cổ đông.....	14
Điều 17. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	17
Điều 18. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	19
Điều 19. Hội đồng quản trị.....	20
Điều 20. Chủ tịch.....	22
Điều 21. Cuộc họp và biên bản họp của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 22. Ban kiểm soát.....	25
Điều 23. Thành viên Ban kiểm soát.....	27
Điều 24. Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát.....	27
Điều 25. Tổng giám đốc.....	27

<b>CHƯƠNG IV MINH BẠCH TRONG HOẠT ĐỘNG</b> .....	28
Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Người quản lý doanh nghiệp.....	28
Điều 27. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	29
Điều 28. Hợp đồng và giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	30
Điều 29. Trách nhiệm của Người quản lý doanh nghiệp, Người đại diện theo pháp luật và thành viên Ban kiểm soát.....	31
Điều 30. Công khai thông tin của Công ty.....	32
<b>CHƯƠNG V QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN</b> .....	32
Điều 31. Năm tài chính.....	32
Điều 32. Nghĩa vụ tài chính và kế toán.....	31
Điều 33. Yêu cầu báo cáo.....	33
<b>CHƯƠNG VI TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ TÀI SẢN</b> .....	32
Điều 34. Tái cơ cấu.....	33
Điều 35. Giải thể và thanh lý.....	33
Điều 36. Chấm dứt hoạt động và phân phối tài sản.....	34
Điều 37. Phá sản.....	34
<b>CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b> .....	34
Điều 38. Các điều khoản khác.....	34
Điều 39. Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp.....	35
Điều 40. Sửa đổi.....	35
Điều 41. Hiệu lực.....	35

## GIỚI THIỆU

Điều Lệ Công ty Cổ Phần Sài Gòn Kim Cương (“Điều lệ”) được thông qua hợp lệ bởi Cổ đông sáng lập của Công ty (*như định nghĩa dưới đây*) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 26/9/2007 và được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 18/09/2009.

Bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung này được sửa đổi, cập nhật toàn văn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/3/2016 để cập nhật những sửa đổi bổ sung theo pháp luật doanh nghiệp mới được áp dụng từ ngày 1/7/2015 và được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Cương ngày 29/10/2016. Bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung này thay thế những bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung ban hành trước đó.

## CHƯƠNG I CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

### Điều 1. Định nghĩa

- 1.1. Trong Điều lệ này, trừ khi ngữ cảnh quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
- a. **“Luật hiện hành”** là (i) bất kỳ văn bản nào được nêu tại Điều 4 của Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp *Luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015*, cũng như các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của nó tùy từng thời điểm; và (ii) bất kỳ các quy định, quy tắc, yêu cầu hoặc hướng dẫn được công bố công khai và có tính bắt buộc của chính phủ;
  - b. **“Điều”** là một điều khoản của Điều lệ này;
  - c. **“Thành viên Hội đồng quản trị”** là (các) thành viên của Hội đồng quản trị;
  - d. **“Hội đồng quản trị”** là hội đồng quản trị của Công ty;
  - e. **“Ban kiểm soát”** nghĩa là ban kiểm soát của Công ty;
  - f. **“Việc kinh doanh”** là các hoạt động kinh doanh được Công ty thực hiện như quy định chi tiết tại Điều 3;
  - g. **“Chủ tịch”** nghĩa là Chủ tịch của Hội đồng quản trị;
  - h. **“Điều lệ”** là Điều lệ này cũng như các bản sửa đổi, bổ sung, và thay thế tùy từng thời điểm, phù hợp với Điều 40;
  - i. **“Vốn điều lệ”** là tổng giá trị mệnh giá cổ phần được Cổ đông thanh toán và được nêu trong Điều lệ này;
  - j. **“Công ty”** nghĩa là Công ty Cổ Phần Sài Gòn Kim Cương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*như định nghĩa dưới đây*) và phù hợp với các quy định của Điều lệ này;
  - k. **“Pháp luật doanh nghiệp”** nghĩa là Luật Doanh nghiệp và các nghị định, thông tư, quy định liên quan đến việc thành lập, hoạt động và quản lý doanh nghiệp, được sửa đổi tùy từng thời điểm;
  - l. **“Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”** nghĩa là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty số 0305244843 được cấp lần đầu bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/10/2007 có thể được gia hạn, sửa đổi, thay đổi, bổ sung hoặc thay thế tùy từng thời điểm;

- m. **“Ngày thành lập”** là ngày 02/10/2007, là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- n. **“Người quản lý doanh nghiệp”** nghĩa là Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc người được ủy quyền đại diện cho Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác hoặc Người đại diện theo pháp luật của chi nhánh của Công ty;
- o. **“Cổ đông sáng lập”** nghĩa là Cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập tại bản Điều lệ đầu tiên của Công ty và được nêu tại Phụ lục 1 của Điều lệ này;
- p. **“Tổng giám đốc”** là tổng giám đốc của Công ty;
- q. **“Đại hội đồng cổ đông”** là đại hội đồng cổ đông của Công ty;
- r. **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, và các bản sửa đổi, thay thế và bổ sung tùy từng thời điểm;
- s. **“Người đại diện theo pháp luật”** là người đại diện theo pháp luật hoặc những người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- t. **“Thời hạn hoạt động”** là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 4.1 của Điều lệ này;
- u. **“Người có liên quan”** là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp;
- v. **“Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần”** là (các) giấy chứng nhận do Công ty cấp hoặc ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử được quy định tại Điều 12 của Điều lệ này, chứng minh quyền sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của một Cổ đông;
- w. **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần của Công ty, có quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;
- x. **“Sổ đăng ký cổ đông”** là văn bản hoặc tập dữ liệu điện tử về việc đăng ký Cổ đông theo quy định tại Điều 13 của Điều lệ này được Công ty lập và hiện tại được Công ty quản lý và sở hữu, được sửa đổi tùy từng thời điểm;
- y. **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- z. **“Đồng”** hoặc **“VND”** nghĩa là tiền tệ hợp pháp của Việt Nam.

1.2. Tiêu đề (*chương, điều của Điều lệ*) được sử dụng trong đây chỉ nhằm mục đích thuận tiện và không ảnh hưởng đến việc giải thích Điều lệ này.

- 1.3. Các từ ngữ và thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không trái với vấn đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự với Điều lệ này.

## Điều 2. Tên và Trụ sở của Công ty

### 2.1. Tên của Công ty:

- a. Tên Công ty (bằng tiếng Việt): CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN KIM CƯƠNG
- b. Tên giao dịch (bằng tiếng Anh): SAI GON DIAMOND CORPORATION
- c. Tên viết tắt: SAI GON DIAMOND CORP.

### 2.2. Trụ sở của Công ty:

- a. Trụ sở chính của Công ty: Số 19 – 25 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- b. Công ty có thể, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (tùy trường hợp) và tuân theo việc đảm bảo bất kỳ sự chấp thuận nào có thể được yêu cầu bởi các Luật hiện hành, thay đổi trụ sở chính và/hoặc địa điểm hoạt động chính và/hoặc thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh khác tại Việt Nam hoặc bất kỳ nơi nào khác.

## Điều 3. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty như sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở).	5510
2	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở).	5610
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	4290
4	<b>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</b> <b>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.</b>	<b>6810</b> <b>(Chính)</b>
5	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820

- 3.1. Trong suốt Thời hạn hoạt động, Công ty có thể sửa đổi hoặc bỏ một số ngành nghề kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với các Luật hiện hành.

**Điều 4. Thời hạn hoạt động và Tư cách pháp nhân**

4.1. Thời hạn hoạt động:

Trừ khi Công ty bị giải thể theo Điều 35.1 của Điều lệ này, Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ Ngày thành lập và không có giới hạn.

4.2. Tư cách pháp nhân của Công ty:

- a. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân và có trách nhiệm hữu hạn, hoạt động theo Pháp luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
- b. Công ty là một pháp nhân độc lập và không chịu trách nhiệm về bất kỳ trách nhiệm, tổn thất hoặc phí tổn của bất kỳ Cổ đông nào phù hợp với các Luật hiện hành. Một bên thứ ba có bất kỳ khiếu nại hoặc quyền lợi đối với một Cổ đông sẽ không có quyền kiện hoặc khiếu nại Công ty hoặc bất kỳ Cổ đông nào khác.

**Điều 5. Người đại diện theo pháp luật**

- 5.1. Công ty sẽ có 01 (một) người đại diện theo pháp luật giữ chức danh là Tổng Giám đốc và tùy theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5.2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Nhân danh Công ty thương lượng, ký kết, thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản, thư từ phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty trong suốt Thời hạn hoạt động;
- b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- e. Kiến nghị, đề xuất phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;



- g. Quyết định lương, phụ cấp đối với người lao động, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm;
- h. Đại diện cho Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài hoặc Tòa án;
- i. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác phù hợp với các Luật hiện hành.

#### **Điều 6. Con dấu**

- 6.1. Công ty sẽ có 01 (một) con dấu có hình tròn, mực đỏ và có kích thước, nội dung như mẫu sau:



- 6.2. Trong suốt Thời hạn hoạt động, Công ty có thể thay đổi mẫu dấu và số lượng con dấu theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các Luật hiện hành.
- 6.3. Chỉ Người đại diện theo pháp luật và người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền bằng văn bản mới có quyền sử dụng con dấu của Công ty. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty dưới sự quản lý của Người đại diện theo pháp luật.

### **CHƯƠNG I VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN SỞ HỮU CỔ PHẦN**

#### **Điều 7. Vốn Điều lệ**

Vốn điều lệ của Công ty là: 586.173.750.000 đồng

Số vốn này được chia thành: 58.617.375 (năm mươi tám triệu sáu trăm mười bảy ngàn ba trăm bảy mươi lăm) cổ phần, loại cổ phần phổ thông;

Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng (mười ngàn đồng)

Trong đó:

+ Tổng số cổ phần cổ đông sáng lập đã đăng ký mua: 58.617.375 cổ phần (Theo danh sách như Phụ lục 1 đính kèm).



+ Tổng số cổ phần dự kiến chào bán: 0

+ Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

- 7.1. Vốn điều lệ phải được sử dụng cho các mục đích kinh doanh của Công ty và cho mục đích khác nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua, hoặc tùy trường hợp, là Hội đồng quản trị thông qua phù hợp với các Luật hiện hành và Điều lệ này.
- 7.2. Công ty có thể tăng Vốn điều lệ khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với pháp luật doanh nghiệp.
- 7.3. Công ty giảm Vốn điều lệ trong các trường hợp sau:
- Căn cứ vào nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty khi Công ty đã tiến hành các hoạt động kinh doanh trong vòng hai năm liên tiếp kể từ Ngày thành lập, với điều kiện là ngay sau khi hoàn trả cho các Cổ đông, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ khác.
  - Công ty mua lại số cổ phần đã phát hành theo Điều 10 của Điều lệ này;
  - Cổ đông không thanh toán Vốn điều lệ đủ và đúng hạn theo Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

## **Điều 8. Cổ phần**

- 8.1. Trừ trường hợp quy định tại Điều 8.3 dưới đây, tất cả các cổ phần do Công ty phát hành là cổ phần phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông sẽ cho phép Cổ đông liên quan có 01 (một) phiếu biểu quyết trong Đại hội đồng cổ đông.
- 8.2. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.
- 8.3. Trong suốt Thời hạn hoạt động và tùy theo nhu cầu về vốn tại từng thời điểm, Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông ra quyết định về việc phát hành thêm loại cổ phần ưu đãi như cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các cổ phần ưu đãi khác của tất cả các loại, phù hợp với Luật Doanh nghiệp.

## **Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông**

- 9.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
- Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do Pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng theo tỷ lệ quy định tại Điều 11 của Điều lệ này;
  - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho Cổ đông khác hoặc người không phải là Cổ đông;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết/cổ phần biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, các biên bản họp và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty phù hợp với các Luật hiện hành;
  - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình phù hợp với Điều 10 của Điều lệ này; và
  - i. Các quyền khác được quy định trong các Luật hiện hành và Điều lệ này.
- 9.2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau đây:
- a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo các trình tự thủ tục được quy định bởi pháp luật doanh nghiệp;
  - b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
  - c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Điều 9.3 dưới đây;
  - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty; và
- 9.3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 9.2 có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của các Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý doanh nghiệp hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

- b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã kết thúc hơn 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ nghiêm trọng của vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

9.4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định Điều 9.2.a được thực hiện như sau:

- a. Cổ đông phổ thông tự nguyện hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc thành lập của nhóm đó cho Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b. Căn cứ số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 9.2 được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Cổ đông khác đề cử.

9.5. Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau đây:

- a. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua phù hợp với pháp luật doanh nghiệp;
- b. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Điều này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- c. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- e. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

## **Điều 10. Mua lại cổ phần**

10.1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của các Cổ đông:

- a. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông, với mức giá thị trường hợp lý trong trường hợp Cổ đông đó biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ. Yêu cầu mua lại này phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề được mô tả tại dòng trên.
- b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại Điều 10.1.a trên trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Cổ đông đó. Trường hợp Cổ đông dự định bán cổ phần phổ thông và Công ty không thỏa thuận được về giá thị trường hợp lý thì Cổ đông này và Công ty có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

#### 10.2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:

Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán và/hoặc một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo thủ tục sau đây:

- a. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- b. Hội đồng quản trị quyết định giá mua cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điều 10.2.c dưới đây.
- c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của mỗi Cổ đông trong Công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến tất cả Cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có:
  - (i) Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - (ii) Tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại;
  - (iii) Giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại;
  - (iv) Thủ tục và thời hạn thanh toán cổ phần mua lại; và
  - (v) Thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

d. Để thực hiện việc mua lại cổ phần quy định tại Điều 10.2.c ở trên, Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo của Công ty. Công ty phải mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn trên. Chào bán phải có:

- (i) Họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức;
- (ii) Số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán;
- (iii) Phương thức thanh toán; và
- (iv) Chữ ký của Cổ đông hoặc Người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.

10.3. Công ty chỉ được mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 10.1 và Điều 10.2 nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Tất cả cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 10.1 và Điều 10.2 ở trên được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Điều 111.4 của Luật Doanh nghiệp; Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm Vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

#### **Điều 11. Phát hành thêm cổ phần và trái phiếu**

11.1. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Công ty không được chào bán cổ phần tăng vốn cho bất kỳ người nào trước khi chào bán cho Cổ đông hiện hữu dựa theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có. Một Cổ đông hiện hữu có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần theo tỷ lệ của mình cho người khác và Công ty chỉ có quyền bán số cổ phần còn lại không được Cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua hết cho bất kỳ người nào khác khi Cổ đông hiện hữu không mua với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán lần đầu cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

11.2. Công ty có quyền phát hành trái phiếu (bao gồm trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác) phù hợp với các Luật hiện hành. Việc phát hành trái phiếu chuyển đổi phải được thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán thêm cổ phần được quy định trong Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của các Luật hiện hành. Công ty phải thực hiện đăng ký thay đổi Vốn điều lệ trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

- 11.3. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành trái phiếu nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
- 11.4. Người nắm giữ trái phiếu không phải là Cổ đông và không có quyền của một Cổ đông. Các quyền của người nắm giữ trái phiếu với Công ty chỉ được quy định trong các điều kiện và điều khoản của trái phiếu tương ứng.

## **Điều 12. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần**

- 12.1. Trừ trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định, tất cả các cổ phần của Công ty phải được chứng nhận. Theo đó, mỗi Cổ đông có quyền được Công ty cấp một Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần chứng nhận rằng Cổ đông đó đang nắm giữ một số lượng cổ phần trong Công ty. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần được Công ty cấp phải có tên của Cổ đông. Nếu có bất kỳ sự không thống nhất nào giữa thông tin trên Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần và thông tin được ghi nhận trong Sổ đăng ký cổ đông bao gồm số lượng cổ phần được một Cổ đông cụ thể nắm giữ, thì thông tin trong Sổ đăng ký Cổ đông được ưu tiên sử dụng.
- 12.2. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần được cấp theo mẫu do Hội đồng quản trị quyết định và phải có các nội dung chính sau:
- Tên, mã số doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - Mệnh giá của mỗi cổ phần và tổng giá trị mệnh giá cổ phần trong Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần;
  - Họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức;
  - Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và con dấu của Công ty (nếu có);
  - Số đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông và ngày phát hành của Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần;
  - Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ưu đãi phải có các nội dung khác được quy định trong Điều 116, 117, và 118 của Luật Doanh nghiệp.

## **Điều 13. Sổ đăng ký cổ đông**

- 13.1. Từ Ngày thành lập, Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông.
- 13.2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
  - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; và số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký cổ phần; và
  - e. Tất cả các nội dung khác có thể được Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm.
- 13.3. Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.
- 13.4. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán.
- 13.5. Cổ đông phải thông báo cho Hội đồng quản trị bằng văn bản khi có bất kỳ sự thay đổi nào về địa chỉ; và nếu Công ty không nhận được thông báo này thì tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc sự liên lạc khác sẽ được gửi tới địa chỉ cuối cùng được ghi trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

## CHƯƠNG II CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

### **Điều 14. Cơ cấu tổ chức**

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

### **Điều 15. Đại hội đồng cổ đông**

- 15.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 15.2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Thông qua định hướng phát triển và kế hoạch kinh doanh dài hạn của Công ty;
  - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán và giá bán cổ phần được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;



- c. Quyết định bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - d. Quyết định sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ Công ty; Trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ này.
  - e. Quyết định việc đầu tư, bán hoặc chuyển nhượng bất kỳ tài sản có giá trị hoặc thu mua hay mua lại bất kỳ tài sản nào, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay hoặc các loại hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - f. Xem xét thông qua các hợp đồng hoặc giao dịch nào quy định tại Điều 28.1 và 28.3 Điều lệ này;
  - g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát nếu vi phạm này gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc các Cổ đông;
  - i. Quyết định tổ chức lại và/hoặc giải thể, hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
  - j. Chấp thuận mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; và
  - k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
- 15.3** Một Cổ đông là tổ chức có thể cử một người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền của mình. Trường hợp cử nhiều hơn 01 (một) người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp Cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi bất kỳ người đại diện theo ủy quyền nào phải được thông báo bằng văn bản cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo.

## **Điều 16. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông**

- 16.1.** Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần. Một cuộc họp bất thường cũng có thể được tổ chức trong năm. Thời gian, thẩm quyền triệu tập, địa điểm, chương trình nội dung họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải phù hợp với Pháp luật doanh nghiệp.
- 16.2.** Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định pháp luật, để thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính hàng năm;
  - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị đáng giá thực trạng quản lý và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và mỗi thành viên Hội đồng quản trị;
  - c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và/hoặc kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc;
  - d. Mức cổ tức của mỗi loại cổ phần; và
  - e. Các vấn đề khác trong thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 16.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b. Số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị, hoặc thành viên của Ban kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của các Luật hiện hành;
  - c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 9.2 Điều lệ này;
  - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- 16.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày, kể từ ngày số Thành viên Hội đồng còn lại theo quy định tại Điều 16.3.b ở trên hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 16.3.c và 16.3.d ở trên.
- 16.5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 16.4 nói trên thì Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ này trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày sau thời điểm trong Điều 16.4 nói trên.
- 16.6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 16.5 ở trên thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại Điều 9.2 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ này.
- 16.7. Trong trường hợp người triệu tập không triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 16.4, Điều 16.5 thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường bất kỳ thiệt hại nào phát sinh cho Công ty.
- 16.8. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:
- a. Lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp;
  - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông;

- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
  - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát;
  - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
  - g. Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
- 16.9. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các Điều 16.4, 16.5 và 16.6 sẽ được Công ty hoàn lại.

**16.10. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:**

- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 61% (*sáu mươi một phần trăm*) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 16.10.a ở trên thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (*ba mươi ba phần trăm*) tổng số phần có quyền biểu quyết.
- c. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 16.10.b ở trên thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (*hai mươi*) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông dự họp.

**16.11. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

Thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua những phương thức sau:

- a. Tham gia và biểu quyết trực tiếp tại phiên họp;
- b. Ủy quyền người khác (*người đại diện*) để tham dự và biểu quyết tại phiên họp;

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua một hội nghị trực tuyến hoặc bằng cách bỏ phiếu điện tử hoặc bằng phương thức điện tử khác hoặc bằng các thiết bị thông tin liên lạc khác mà tất cả những người tham gia cuộc họp có thể nghe được nhau, mà không cần Cổ đông đó hiện diện trực tiếp tại cuộc họp đó, việc tham dự cuộc họp bằng phương thức này được xem là có mặt trực tiếp tại cuộc họp đó;
- d. Gửi biểu quyết của mình tới phiên họp thông qua thư, fax hoặc thư điện tử.

**16.12. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thông qua người đại diện**

Cổ đông có thể ủy quyền cho một người đại diện tham dự phiên họp Đại hội cổ đông và đại diện cho mình trong phiên họp đó. Cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo Điều lệ này phải ủy quyền cho một người đại diện tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện này sẽ có quyền thực hiện quyền hạn được ủy quyền của Cổ đông mà mình đại diện. Việc ủy quyền cho một người đại diện tham dự phiên họp của Đại hội đồng cổ đông phải lập bằng văn bản theo mẫu Công ty ban hành và, khi đăng ký tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông, người đại diện phải trình văn bản ủy quyền này trước khi vào phòng họp.

**Điều 17. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

**17.1.** Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

**17.2.** Để tránh nhầm lẫn, các vấn đề sau đây có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản:

- a. Sửa đổi Điều lệ Công ty;
- b. Định hướng phát triển của Công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, bãi miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán hoặc thanh lý tài sản, mua hoặc mua lại bất kỳ tài sản bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; và
- g. Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

**17.3.** Điều kiện để thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp:

- a. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành:
- (i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - (ii) Thay đổi ngành, nghề kinh doanh và lĩnh vực kinh doanh;
  - (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty;
  - (iv) Dự án đầu tư hoặc bán hoặc chuyển nhượng tài sản, thu mua hoặc mua lại bất kỳ tài sản nào có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; và
  - (v) Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
- b. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề không được quy định tại Điều 17.3.a và 17.3.c sẽ được thông qua khi được số Cổ đông đại diện cho ít nhất 51% (*năm mươi một phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành.
- c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên của Ban kiểm soát được thực hiện bằng phương thức bầu dồn phiếu, theo đó tổng số phiếu biểu quyết của mỗi Cổ đông bằng tổng số cổ phần sở hữu của họ nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. Mỗi Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho 01 (*một*) hoặc nhiều ứng cử viên. Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

17.4. Điều kiện thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 51% (*năm mươi một phần trăm*) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành. Thâm quyền và thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản phải phù hợp với Pháp luật doanh nghiệp. Một nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực tương đương với một nghị quyết được thông qua trong phiên họp của Đại hội đồng cổ đông.

- 17.5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ có hiệu lực từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực được trong nghị quyết. Bất kỳ nghị quyết nào của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết sẽ có giá trị pháp lý và sẽ có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua các nghị quyết này không được thi hành chính xác theo quy định.
- 17.6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

#### **Điều 18. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

- 18.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, hai biên bản này có hiệu lực pháp lý như nhau, với điều kiện là biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa 02 (hai) biên bản.
- 18.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông sẽ có các nội dung chủ yếu sau:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - f. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông và đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- 18.3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

- 18.4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 18.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả Cổ đông ngay khi có thể nhưng phải trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
- 18.6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 19. Hội đồng quản trị**

- 19.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 19.2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Quyết định chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại hoặc các hình thức huy động vốn khác;
  - c. Quyết định mua lại cổ phần, chào bán cổ phần mới theo quy định của Điều lệ này và hình thức huy động thêm vốn khác ngoài phát hành cổ phần và trái phiếu;
  - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu Công ty.
  - e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của các Luật hiện hành;
  - f. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - g. Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng đối với Người quản lý doanh nghiệp (*không bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị*); quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Người quản lý doanh nghiệp đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đại diện theo ủy quyền này;
  - h. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác ngoài Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị trong việc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- i. Quyết định cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - a. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - j. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
  - k. Thông qua hợp đồng hoặc giao dịch nào có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; **Quy định không áp dụng đối với hợp đồng hoặc giao dịch quy định tại Mục IV Điểm a Khoản 3 Điều 17 và Khoản 1 và 3 Điều 28 của Điều lệ này.**
  - l. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, hoặc xử lý lỗ phát sinh của Công ty.
- 19.3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng các biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản thông qua quyết định. Mỗi Thành viên Hội đồng có 01 (một) phiếu biểu quyết.
- 19.4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của các Luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với các Luật hiện hành hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì thành viên Hội đồng quản trị tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 (một) năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.
- 19.5. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng phương thức bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng là 05 (năm) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 19.6. Thành viên Hội đồng quản trị phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có kinh nghiệm chuyên môn và thành thạo trong việc quản lý việc kinh doanh của Công ty và không bị cấm quản lý doanh nghiệp dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 19.7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc trong các trường hợp quy định trong Pháp luật doanh nghiệp.



- 19.8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể yêu cầu Người quản lý doanh nghiệp (*không bao gồm Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị khác*) của Công ty cung cấp thông tin và tài liệu về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty và của các bộ phận trong Công ty.

## **Điều 20. Chủ tịch Hội đồng Quản Trị**

- 20.1. Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ Tịch, hoặc Chủ tịch được bầu từ các thành viên Hội đồng Quản trị bằng cách biểu quyết theo nguyên tắc đa số được thực hiện bởi các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- 20.2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:
- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp của Hội đồng quản trị; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
- 20.3. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có Thành viên Hội đồng nào được ủy quyền thì các Thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu 01 (*một*) người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch theo nguyên tắc đa số.
- 20.4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của Điều lệ này và các Luật hiện hành. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- Hỗ trợ việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
  - Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
  - Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
  - Hỗ trợ Công ty trong việc xây dựng quan hệ Cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông;

- e. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin và công khai thông tin và thủ tục hành chính;

20.5. Chủ tịch có thể bị bãi miễn theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

**Điều 21. Cuộc họp và biên bản họp của Hội đồng quản trị**

- 21.1. Trong trường hợp được Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch, chức danh này sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có 02 (hai) hay nhiều thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên Hội đồng quản trị bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập cuộc họp.
- 21.2. Cuộc họp của Hội đồng có thể được tổ chức định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty, hoặc ở nơi khác do Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 21.3. Chủ tịch có thể triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết, nhưng phải ít nhất 01 (một) lần vào mỗi quý. Ngoài ra, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có 01 (một) trong các trường hợp sau đây:
  - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - b. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
  - c. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc đề nghị của ít nhất 05 (năm) Người quản lý doanh nghiệp khác;
- 21.4. Đề nghị phải được lập bằng văn bản trong đó có họ tên và chữ ký của bên đề nghị triệu tập cuộc họp và lý do đề nghị triệu tập cuộc họp; và các vấn đề đề nghị thảo luận và chấp thuận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị cho cuộc họp đó. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 21.3. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Trừ những trường hợp cụ thể mà yêu cầu đó bị tất cả thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ từ chối bằng văn bản, ít nhất 3 (ba) ngày trước ngày họp Hội đồng quản trị theo Điều lệ này, thông báo họp phải được gửi cho tất cả thành viên Hội đồng quản trị và thành viên của Ban kiểm soát theo địa điểm mà họ thông báo cho Công ty tùy từng thời điểm. Thông báo này gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, và xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định và kèm theo các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên của Ban kiểm soát có quyền tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị và thảo luận về các vấn đề nhưng không được biểu quyết.

- 21.5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ  $\frac{3}{4}$  (ba phần tư) tổng số Thành viên Hội đồng trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên Hội đồng quản trị dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- 21.6. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a. Thành viên Hội đồng đó tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Thành viên Hội đồng đó ủy quyền cho người khác đến dự họp. Trong trường hợp này, việc ủy quyền phải được đa số Thành viên Hội đồng đồng ý;
  - c. Thành viên Hội đồng đó tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
  - d. Thành viên Hội đồng quản trị đó gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp này, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 21.7. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch.
- 21.8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, hai biên bản này có hiệu lực pháp lý như nhau, với điều kiện là biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa 02 (hai) biên bản. Biên bản của cuộc họp Hội đồng quản trị phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;

- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp của thành viên đó; họ, tên các thành viên Hội đồng không dự họp và lý do không dự họp;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên Hội đồng quản trị dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên Hội đồng quản trị tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- 21.9. Một nghị quyết thông qua bằng phương thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được đa số các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Nghị quyết này có giá trị pháp lý và hiệu lực như được thông qua trong cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức hợp lệ. Bất kỳ nghị quyết nào như vậy có thể bao gồm một số tài liệu có hình thức tương tự, được ký bởi 01 (một) hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị. Sự diễn đạt "bằng văn bản" và "ký" bao gồm việc phê duyệt bởi điện tín, thư điện tử, truyền tải điện tử hoặc fax.
- 21.10. Tất cả các chi phí hợp lý để các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào cuộc họp Hội đồng quản trị và thực hiện các nhiệm vụ và nghĩa vụ của một thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Công ty chịu trách nhiệm chi trả phù hợp với chính sách về hoàn trả, thanh toán hoặc các chính sách khác về tiền thù lao và chi phí do Công ty ban hành tùy từng thời điểm.

## **Điều 22. Ban kiểm soát**

- 22.1. Trong trường hợp Công ty có trên 11 cổ đông hoặc các cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của Công ty, thì bắt buộc phải có Ban kiểm soát.
- 22.2. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Giám sát Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 9.2 của Điều lệ này;
- f. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 9.2 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Ban kiểm soát phải nộp báo cáo giải trình kết quả của việc kiểm tra những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra;  
  
Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 29 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
- j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;



- k. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- l. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 23. Thành viên Ban kiểm soát**

- 23.1. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông theo phương thức biểu quyết hoặc bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là 05 (năm) năm và thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 23.2. Các Kiểm soát viên bầu 01 (một) người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm quản lý và kiểm soát mọi hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Điều kiện và trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Pháp luật doanh nghiệp.

**Điều 24. Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát**

- 24.1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 24.2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
- 24.3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 24.4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của Người quản lý doanh nghiệp và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- 24.5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý doanh nghiệp phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.
- 24.6. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát không được phép tiết lộ các bí mật của Công ty.

**Điều 25. Tổng giám đốc**

- 25.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
- 25.2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- 25.3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc áp dụng theo quy định của Pháp luật doanh nghiệp.
- 25.4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
  - Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
  - Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
  - Tuyển dụng lao động;
  - Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật áp dụng, Điều lệ này và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- 25.5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của các Luật hiện hành, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này và gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

### **CHƯƠNG III MINH BẠCH TRONG HOẠT ĐỘNG**

#### **Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Người quản lý doanh nghiệp**

- 26.1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Tổng giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- 26.2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 26.3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao theo quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị.
- 26.4. Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
- 26.5. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**Điều 27. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

- 27.1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương hoặc thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
- 27.2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
- 27.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và các pháp luật có liên quan, và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

**Điều 28. Hợp đồng và giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận**

- 28.1. Hợp đồng và giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
- Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
  - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;



- c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người quản lý doanh nghiệp khác sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; hoặc doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% (*mười phần trăm*) vốn điều lệ.
- 28.2. Các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty phải được Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đến hợp đồng hoặc giao dịch đó, và đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 10 (*mười*) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- 28.3. Các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Điều 28.2 phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đến hợp đồng, giao dịch đó, và đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng và giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.
- 28.4. Hợp đồng, giao dịch tại Điều 28 được ký mà không có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị sẽ bị vô hiệu và xử lý theo quy định của các Luật hiện hành. Người ký kết hợp đồng, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

**Điều 29. Trách nhiệm của Người quản lý doanh nghiệp, Người đại diện theo pháp luật và thành viên Ban kiểm soát**

Người quản lý doanh nghiệp, Người đại diện theo pháp luật và thành viên Ban kiểm soát có những trách nhiệm sau:

- 29.1. Tuân thủ theo đúng quy định của các Luật hiện hành, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong khi thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;
- 29.2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách thiện chí, trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông;

- 29.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 29.4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối. Thông tin này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty; và
- 29.5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và các Luật hiện hành.

**Điều 30. Công khai thông tin của Công ty**

- 30.1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và các Luật hiện hành liên quan.
- 30.2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử (nếu có) của mình các thông tin sau đây:
- Điều lệ của Công ty;
  - Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc;
  - Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- 30.3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất 03 (ba) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của Cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức nước ngoài.

**CHƯƠNG IV  
QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN**

**Điều 31. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm dương lịch.

**Điều 32. Nghĩa vụ tài chính và kế toán**

- 32.1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự hạch toán và kinh doanh độc lập, tự chịu trách nhiệm cho lợi nhuận và thua lỗ của mình.

32.2. Sổ sách kế toán sẽ được duy trì bởi Công ty và sẽ dựa trên các tiêu chuẩn kế toán Việt Nam.

32.3. Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính cho chính phủ.

### **Điều 33. Yêu cầu báo cáo**

33.1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành Công ty.

33.2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại Điều 33.1 và báo cáo tài chính được kiểm toán (nếu có) phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ngày) trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

33.3. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

## **CHƯƠNG V TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ TÀI SẢN**

### **Điều 34. Tái cơ cấu**

Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, hoặc chuyển đổi theo quy định của Pháp luật doanh nghiệp.

### **Điều 35. Giải thể và thanh lý**

35.1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

- a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Công ty không có đủ 03 (ba) Cổ đông trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tiếp nhưng không thực hiện việc chuyển đổi theo quy định của Pháp luật doanh nghiệp;
- c. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bị thu hồi; hoặc
- d. Các trường hợp khác theo quy định của các Luật hiện hành.

- 35.2. Hội đồng quản trị sẽ thành lập ban thanh lý tự tổ chức và phù hợp với các quy định về hoạt động của chính nó.
- 35.3. Việc thanh lý sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật doanh nghiệp.
- 35.4. Điều lệ này vẫn có hiệu lực và Công ty sẽ vẫn tồn tại cho đến khi ban thanh lý đã được giải tán và cho đến khi Công ty không còn tồn tại theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**Điều 36. Chấm dứt hoạt động và phân phối tài sản**

- 36.1. Tất cả các hoạt động của Công ty, bao gồm các hoạt động của bất kỳ văn phòng, cơ sở, chi nhánh hay văn phòng đại diện phải được chấm dứt cùng với việc giải thể của Công ty theo quy định của các Luật hiện hành.
- 36.2. Số tiền còn lại khi thanh lý sẽ được sử dụng theo thứ tự sau:
- a. Tiền lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác theo quy định tại hợp đồng lao động và các thỏa ước lao động tập thể;
  - b. Thuế và phí mà Công ty còn nợ nhà nước Việt Nam;
  - c. Các khoản nợ khác;
  - d. Chi phí thanh lý; và
  - e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ nêu tại Điều 36.2.a đến 36.2.d trên sẽ được chia cho các Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu phần cổ phần.

**Điều 37. Phá sản**

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của các Luật hiện hành.

**CHƯƠNG VI  
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 38. Các điều khoản khác**

Tất cả các quy định liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Điều lệ này sẽ được quyết định bởi Đại hội đồng cổ đông và sẽ được thực hiện phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Pháp luật doanh nghiệp và các Luật hiện hành khác.

**Điều 39. Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp**

**39.1. Luật điều chỉnh**

Điều lệ này (và bất kỳ tranh chấp, tranh cãi, kiện tụng hay khiếu nại dưới bất kỳ hình thức nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Điều lệ này hoặc được hình thành từ nó) sẽ được điều chỉnh và giải thích phù hợp với các Luật hiện hành.

### 39.2. Giải quyết tranh chấp

Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ việc thực hiện Điều lệ này sẽ được nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Nếu hai bên không thể hòa giải được, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền ở Việt Nam nơi mà Công ty có trụ sở chính phù hợp với các Luật hiện hành.

### Điều 40. Sửa đổi

Điều lệ này chỉ có thể được sửa đổi bởi một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc một bản sửa đổi được ký bởi Đại hội đồng cổ đông phù hợp với các thủ tục cần thiết được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật doanh nghiệp. Không có sự thay đổi, cải biến, bổ sung hoặc thay đổi nào trong Điều lệ này hoặc về Điều lệ này sẽ ràng buộc Công ty và/hoặc các Cổ đông theo đây trừ khi được quy định trong một văn bản được ký hợp pháp bởi hoặc thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông như đã đề cập ở trên.

### Điều 41. Hiệu lực

- 41.1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty thông qua theo nghị quyết ngày 18/10/2016.
- 41.2. Khi muốn sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Đại hội đồng cổ đông sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi. Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận của Tổng Giám Đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- 41.3. Bất kỳ lúc nào, nếu bất kỳ điều khoản nào trong Điều lệ này trở nên vô hiệu, không hợp pháp hay không thể thực thi được theo các Luật hiện hành, điều khoản đó sẽ được tách biệt hẳn với các quy định khác, tính hợp lệ, hợp pháp và tính thực thi của các điều khoản còn lại sẽ không bị ảnh hưởng.

Chữ ký của Đại diện theo pháp luật



**ĐẶNG TRỊNH THANH PHƯƠNG**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

STT	Họ và tên (cổ đông sáng lập)	Ngày tháng năm sinh (đối với cổ đông là cá nhân)	Quốc tịch	Số, ngày, nơi cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân hoặc Giấy CN ĐKKD đối với doanh nghiệp, hoặc QĐ thành lập đối với tổ chức		Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Loại cổ phần	Mệnh giá
				Số	Ngày, nơi cấp				
1	Công ty vàng bạc Đá quý Sài Gòn - SJC			4106000045	24/03/2004-Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM	115 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình-Quận 1, TP.HCM			
	Đại Diện: Lê Hùng Dũng	11/01/1954	Việt Nam	022645688	24/07/2007-Công an TP.Hồ Chí Minh	59 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh			
2	Nguyễn Thành Long	28/11/1951	Việt Nam	020151843	14/09/2005-Công an Tp. Hồ Chí Minh	497 Cách Mạng tháng Tám, Phường 13-Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.			
	Công ty Cổ Phần Hùng Vương			4103002987	24/12/2004-Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hùng Vương Plaza, Số 126 Hùng Vương, Phường 12, Quận 5, TP.HCM			

	Đại Diện: Trần Lê Nguyễn	12/10/1968	Việt Nam	023062528	26/02/2007- Công an TP.Hồ Chí Minh	53 Nguyễn Tiểu La, Phường 5, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh		
3	Công ty Cổ Phần Kinh Đô			4103001184		6/134 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức		
	Đại Diện: Trần Kim Thành	07/07/1960	Việt Nam	022007873	12/11/1997- Công an TP.Hồ Chí Minh	650/13 Điện Biên Phủ, Phường 11-Quận 10, TP.Hồ Chí Minh		
4	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đông Á			4104000059		55-58 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.		
	Đại diện: Trần Phương Bình		Việt Nam	A1650989B		82/2 Nguyễn Trọng Tuyền, Phường 15, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh.		